

như đối với người đi hợp tác lao động gửi tiền về.

— Đối với ngoại tệ các nước ngoài xã hội chủ nghĩa thì áp dụng tỷ giá có thưởng như đối với kiều hối.

6. Phiếu công trái của những người cư trú ở nước ngoài phải được bảo quản trong nội địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngân hàng Ngoại thương chịu trách nhiệm bảo quản phiếu công trái cho các đối tượng nói trên với các thủ tục thuận tiện.

7. Công trái thu và ghi bằng ngoại tệ do Bộ Tài chính thống nhất quản lý phát hành theo chế độ chung về phát hành công trái quy định trong nghị định số 145-HĐBT ngày 6-12-1983 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc.

Ngân hàng Ngoại thương có trách nhiệm bán công trái bằng ngoại tệ, thu tiền, trao hóa đơn nhận tiền cho người mua, ghi tên người mua và số tiền mua vào phiếu công trái, bảo quản phiếu công trái tại Ngân hàng Ngoại thương, chuyển tiền bán công trái về nước và nộp vào Ngân sách Nhà nước.

8. Các cơ quan đại diện ngoại giao của nước ta ở nước ngoài được ủy nhiệm quản lý việc phát hành công trái ở nước ngoài, dưới sự chỉ đạo của Bộ Ngoại giao về mặt quan hệ đối ngoại và của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước (Ngân hàng Ngoại thương) về mặt nghiệp vụ phát hành công trái. Ở các nước không có cơ quan đại diện ngoại giao thường trú thì Ban Việt kiều Trung ương phối hợp với các Đại sứ kiêm nhiệm vận động mua công trái thông qua các tổ chức của người Việt Nam ở nước ngoài.

9. Các tổ chức quản lý các đối tượng là người Việt Nam ở nước ngoài có nhiệm vụ làm công tác vận động mua công trái trong các đối tượng thuộc diện quản lý của mình dưới sự chỉ đạo thống nhất về mặt đối ngoại của Bộ Ngoại giao thông qua hệ thống Sứ quán đặt ở các nước, cụ thể là :

Các tổ chức thuộc Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp vận động trong sinh viên, học sinh.

Các tổ chức thuộc Bộ lao động và Tổng cục Dạy nghề vận động trong công nhân lao động và học sinh học nghề.

Các tổ chức thuộc Bộ Ngoại thương và Bộ Ngoại giao vận động trong cán bộ, công nhân, viên chức thuộc ngành mình.

Các hội Việt kiều yêu nước vận động trong kiều bào sinh sống ở nước ngoài.

10. Các cơ quan được giao nhiệm vụ nêu trên cần ra các văn bản hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện chỉ thị này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
Phó chủ tịch  
TỔ HỮU

## CÁC BỘ

### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ của Bộ Tài chính số 11 - TC/CNA ngày 10-3-1985** hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong công nghiệp quốc doanh.

Thi hành nghị quyết số 156-HĐBT ngày 30-11-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về một số vấn đề cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong công nghiệp quốc doanh như sau :

### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Lợi nhuận định mức được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (hoặc bằng số tuyệt đối) trên giá thành hợp lý của sản phẩm xí nghiệp để làm giá bán buôn xí nghiệp.

09162814  
Tel: 84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

Do đó về nguyên tắc lợi nhuận định mức được áp dụng ổn định cho nhiều năm cùng với việc ổn định giá bán buôn xí nghiệp của sản phẩm.

Chế độ phân phối lợi nhuận được xây dựng phù hợp với cơ cấu và thành phần của lợi nhuận định mức. Việc thực hiện chế độ phân phối lợi nhuận hàng năm sẽ căn cứ vào số lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận thực tế đạt được của đơn vị xí nghiệp.

Lợi nhuận kế hoạch pháp lệnh hàng năm của xí nghiệp khác với lợi nhuận định mức, do hàng năm có sự thay đổi về kế hoạch sản lượng tiêu thụ, chất lượng sản phẩm, kết cấu mặt hàng, giá bán bình quân và giá thành sản phẩm.

Trong lợi nhuận kế hoạch pháp lệnh hàng năm của xí nghiệp sẽ bao gồm lợi nhuận kế hoạch của phần sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và bằng vật tư do xí nghiệp tự tìm kiếm thêm.

Lợi nhuận ngoài chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh là lợi nhuận của phần sản xuất những sản phẩm do xí nghiệp tìm kiếm và khai thác những nguồn khả năng mới để sản xuất thêm không thuộc những mặt hàng đã ghi trong kế hoạch pháp lệnh Nhà nước giao cho xí nghiệp.

Lợi nhuận thực hiện thuộc chỉ tiêu pháp lệnh của xí nghiệp bao gồm lợi nhuận trong kế hoạch pháp lệnh và lợi nhuận vượt kế hoạch pháp lệnh của phần sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và bằng vật tư tự tìm kiếm.

Lợi nhuận thực hiện của phần sản xuất sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh thì chủ yếu là bằng nguồn vật tư tự tìm kiếm.

Lợi nhuận thực hiện chỉ bao gồm khoản chênh lệch giữa giá xí nghiệp được duyệt với giá thành thực tế. Các xí nghiệp không được tính vào lợi nhuận thực hiện các khoản chênh lệch giá.

2. Các khoản phải nộp phạt do vi phạm hợp đồng, vi phạm chế độ tín dụng ngân hàng và các khoản chi phí bất hợp lý, bất hợp lệ... xí nghiệp không được hạch toán vào giá thành mà phải trừ vào phần lợi

nhuận để lại xí nghiệp sau khi thực hiện việc phân phối lợi nhuận giữa ngân sách và xí nghiệp.

3. Do cơ chế phân phối các phần lợi nhuận nói trên khác nhau, xí nghiệp phải hạch toán rành mạch từng phần lợi nhuận nhằm đánh giá đúng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp và bảo đảm phân phối được công bằng, hợp lý.

4. Lợi nhuận trong chỉ tiêu pháp lệnh của xí nghiệp (bao gồm lợi nhuận của phần sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và vật tư tự tìm kiếm thêm) đều phải được kế hoạch hóa trong một kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính thống nhất của xí nghiệp.

Nhà nước khuyến khích xí nghiệp tự tìm kiếm nguồn bổ sung vật tư để tăng sản xuất sản phẩm kể cả trong và ngoài chỉ tiêu pháp lệnh bằng cách giành phần lợi nhuận để lại xí nghiệp cao hơn so với kế hoạch sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng.

Nhằm khuyến khích xí nghiệp lập kế hoạch pháp lệnh tích cực và chủ động cân đối trong kế hoạch, phần lợi nhuận thực hiện của cả kế hoạch sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và bằng vật tư tự tìm kiếm trong kế hoạch được tỷ lệ khuyến khích cao hơn. Phần vượt kế hoạch cũng được khuyến khích, nhưng với tỷ lệ thấp hơn.

5. Khuyến khích xí nghiệp hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu pháp lệnh chủ yếu của Nhà nước. Nếu không hoàn thành thì sẽ phải trừ vào phần lợi nhuận để lại xí nghiệp, nhằm tránh tình trạng xí nghiệp chỉ chạy theo lợi nhuận, hạch toán tăng lợi nhuận trong khi không hoàn thành các chỉ tiêu sản phẩm giao nộp và chất lượng sản phẩm.

6. Xí nghiệp được thực hiện việc trích lập 3 quỹ kịp thời ngay từng quý trong năm, sau khi hoàn thành nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước.

7. Bảo đảm mối quan hệ hợp lý giữa tiền lương và tiền thưởng.

8. Mở rộng hơn phạm vi sử dụng lợi nhuận, phạm vi sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng, nhằm giảm bớt bao cấp của ngân sách và nâng cao hơn quyền tự chủ của xí nghiệp trong việc sử dụng phần lợi nhuận để lại xí nghiệp.

## II. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP

Từ năm 1985, về cơ bản tất cả sản phẩm các xí nghiệp, các ngành đều phải xác định lại giá bán buôn xí nghiệp trên cơ sở giá thành hợp lý và lợi nhuận định mức quy định.

Tuy nhiên có thể có một số sản phẩm xí nghiệp chưa kịp làm lại giá bán buôn xí nghiệp từ đầu năm 1985 và có thể còn một vài sản phẩm cá biệt phải chịu lỗ theo chính sách giá của Nhà nước. Do đó chế độ phân phối lợi nhuận có quy định riêng cho từng loại xí nghiệp cho phù hợp.

### A. ĐỐI VỚI NHỮNG XÍ NGHIỆP ĐÃ XÁC ĐỊNH LẠI GIÁ BÁN BUÔN XÍ NGHIỆP

#### 1. Kế hoạch hóa phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận kế hoạch pháp lệnh của sản phẩm sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng được để lại xí nghiệp 50% và nộp ngân sách 50%, và của sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm được để lại xí nghiệp 60% — đối với các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến lương

thực, thực phẩm (gọi chung là CNB) và 80% — đối với các ngành công nghiệp nặng, khai thác gỗ, đánh cá biển (gọi chung là CNA). Phần còn lại (40% và 20%) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Phần để lại xí nghiệp theo kế hoạch đăng ký (50%, 60% và 80%) xí nghiệp được phân cho 3 quỹ, theo những tỷ lệ quy định như sau :

— Cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất 35% — đối với các ngành CNB và 40% — đối với các ngành CNA.

— Số còn lại trích vào 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi, trong đó 2/3 cho quỹ khen thưởng và 1/3 cho quỹ phúc lợi.

Trường hợp xí nghiệp sản xuất loại sản phẩm vừa bằng vật tư do Nhà nước cung ứng, vừa bằng vật tư tự tìm kiếm, thêm thì xí nghiệp xác định số sản phẩm của từng phần kế hoạch đó trên cơ sở tỷ lệ thuận với giá trị vật tư tham gia sản xuất ra sản phẩm (tính theo một giá đồng nhất — giá chỉ đạo Nhà nước — để xác định cho thống nhất).

Số chênh lệch giá về vật tư tự tìm kiếm nói trên được phân bổ vào giá thành sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm. Trên cơ sở giá thành và giá bán của sản phẩm đó mà xác định lợi nhuận của phần sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm.

Đối với những sản phẩm nằm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh, xí nghiệp phải thực hiện việc nộp thuế và thu quốc doanh kịp thời vào ngân sách Nhà nước khi giao sản phẩm. Mức thu thuế và thu quốc doanh do Bộ Tài chính quy định trên cơ sở tương ứng với những sản phẩm cùng loại nằm trong chỉ tiêu pháp lệnh.

## 2. Thực hiện việc phân phối lợi nhuận :

Kế hoạch về tổng số lợi nhuận phát sinh và số lợi nhuận phải nộp ngân sách của những sản phẩm trong chỉ tiêu pháp lệnh của xí nghiệp nói ở điểm 1, mục A, phần II được duyệt và trở thành chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước giao cho xí nghiệp.

Số lợi nhuận phải nộp ngân sách Nhà nước, xí nghiệp có nhiệm vụ nộp đều đặn hàng tháng (hoặc theo định kỳ do đặc điểm chu kỳ sản xuất sản phẩm) vào ngân sách Nhà nước trên cơ sở số kế hoạch đã xác định và thực tế phát sinh.

Số được trích 3 quỹ theo kế hoạch nói trên được phân ra làm 4 quý và xí nghiệp được tạm trích 70% hàng quý vào mỗi quý theo Kế hoạch được duyệt sau khi đã hoàn thành việc nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước từng tháng (hoặc theo định kỳ do đặc điểm chu kỳ sản xuất sản phẩm) theo kế hoạch và có ý kiến xác nhận của cơ quan tài chính (Chi cục thu quốc doanh và quản lý tài chính xí nghiệp trung ương — đối với các đơn vị xí nghiệp trung ương; hoặc tài chính địa phương — đối với các xí nghiệp địa phương).

Hết năm, khi xét duyệt quyết toán (bao gồm việc xét duyệt để trích lập chính thức các quỹ xí nghiệp) xí nghiệp sẽ được tính toán đầy đủ số trích lập 3 quỹ theo chế độ quy định, sau khi loại trừ các khoản chênh lệch giá, lợi nhuận thực hiện trong phạm vi của số kế hoạch đã duyệt được phân phối như quy định ở mục 1 phần A nói trên (50% nộp ngân sách Nhà nước, 50% để lại xí nghiệp — đối với phần sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng;

và từ 20% đến 40% nộp ngân sách Nhà nước từ 60% đến 80% để lại xí nghiệp — đối với phần sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm). Phần để lại xí nghiệp được phân phối cho 3 quỹ theo tỷ lệ quy định sau khi trừ đi các khoản phải nộp phạt về vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt nợ ngân hàng quá hạn, chi trả các khoản bất hợp lý, bất hợp lệ không được hạch toán vào giá thành như các khoản chi phí tiêu cực, lãng phí, sử dụng sản phẩm sản xuất ra không đúng chế độ quy định, v.v...

Phần lợi nhuận vượt kế hoạch pháp lệnh bao gồm cả phần kế hoạch sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và phần sản xuất bằng vật tư do xí nghiệp tự tìm kiếm được phân phối 60% nộp ngân sách Nhà nước, 40% để lại xí nghiệp, phần để lại xí nghiệp được phân phối cho 3 quỹ cũng theo các tỷ lệ tương ứng nói trên.

Nếu xí nghiệp không hoàn thành hai chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chủ yếu cả năm nói sau đây thì cứ mỗi phần trăm không hoàn thành về một chỉ tiêu, phải trừ đi 2% số tiền được trích cho mỗi quỹ (3 quỹ):

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện, trong đó có phần cho xuất khẩu.

— Sản phẩm giao nộp theo chủng loại, chất lượng do Nhà nước quy định và theo hợp đồng đã ký kết, trong đó có phần cho xuất khẩu.

Nếu xí nghiệp vi phạm chế độ chính sách quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước kê dưới đây thì cứ mỗi vi phạm sẽ tùy theo mức độ vi phạm mà giảm trừ từ 2 đến 5% số tiền được trích cho mỗi quỹ (3 quỹ):

Nộp không đầy đủ và kịp thời theo kế hoạch hàng quý các khoản nộp ngân sách

như lợi nhuận, thu quốc doanh, khấu hao cơ bản phải nộp và các khoản phải nộp khác như chênh lệch giá, v. v...

Vi phạm các chế độ báo cáo thống kê kế toán.

Các số phạt trừ nổi trên vào 3 quỹ của xí nghiệp phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều kiện về thời điểm xí nghiệp được trích đủ (100%) số lợi nhuận để lại xí nghiệp lập 3 quỹ theo những quy định nói trên là xí nghiệp phải hoàn thành 100% số phải nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước theo quy định trên cơ sở số liệu xét duyệt quyết toán hàng năm cho xí nghiệp.

Đối với sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm, ngoài việc nộp lợi nhuận, xí nghiệp vẫn phải nộp khoản thu quốc doanh theo quy định của Bộ Tài chính. Mức thu quốc doanh này là mức thu ổn định của ngân sách Nhà nước không phụ thuộc vào giá thành sản phẩm do xí nghiệp thực hiện hàng năm. Xí nghiệp phải tính toán hiệu quả để quyết định việc sản xuất sản phẩm bằng vật tư tự tìm kiếm.

Đối với lợi nhuận thực hiện của sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh xí nghiệp được dùng toàn bộ để trích lập 3 quỹ theo những tỷ lệ quy định nói trên (từ 35 đến 40% cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất. Số còn lại trích 2/3 cho quỹ khen thưởng và 1/3 cho quỹ phúc lợi), sau khi hoàn thành việc nộp thuế và thu quốc doanh theo quy định đối với sản phẩm đó.

Nếu xí nghiệp đầu tư mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn vay ngân hàng, xí nghiệp phải bảo đảm việc sử dụng tài sản cố định đó có hiệu quả và bảo đảm việc trả nợ ngân hàng bằng nguồn khấu hao cơ bản tài sản cố định đi vay. Trường hợp

xí nghiệp phải sử dụng thêm một phần lợi nhuận để trả nợ ngân hàng, xí nghiệp phải có kế hoạch được duyệt và trừ vào lợi nhuận thực hiện trước khi phân phối giữa ngân sách Nhà nước và xí nghiệp theo các tỷ lệ quy định.

## B. ĐỐI VỚI NHỮNG XÍ NGHIỆP CHƯA XÁC ĐỊNH GIÁ BÁN BUÔN XÍ NGHIỆP CỦA SẢN PHẨM

Đối với những xí nghiệp chưa xác định lại được giá bán buôn xí nghiệp của sản phẩm, cần tích cực khẩn trương tính toán giá thành hợp lý sản phẩm lợi nhuận định mức theo chế độ quy định và trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt giá bán buôn xí nghiệp sản phẩm.

Trường hợp chưa kịp xét duyệt giá bán buôn xí nghiệp mới thì xí nghiệp được áp dụng tạm thời phương thức phân phối lợi nhuận như sau:

Xí nghiệp được hưởng mức trích cơ bản vào 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi được tính tối đa từ 10% đến 15% quỹ lương cơ bản thực hiện trong năm, bao gồm cả phần kế hoạch sản xuất bằng vật tư Nhà nước cung ứng và phần kế hoạch sản xuất bằng vật tư tự kiếm, trong đó 2/3 cho quỹ khen thưởng và 1/3 cho quỹ phúc lợi (10% cho các ngành thuộc khối công nghiệp B và 15% cho các ngành thuộc khối công nghiệp A).

Mức trích cơ bản vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp được tính bằng 1% nguyên giá tài sản cố định bình quân đang dùng trong năm và tài sản lưu động trong định mức.

Nếu xí nghiệp không hoàn thành 3 chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chủ yếu cả năm

nói sau đây thì cứ mỗi phần trăm không hoàn thành về một chỉ tiêu phải trừ đi 2% số tiền được trích nói trên cho mỗi quỹ (3 quỹ):

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện, trong đó có phần cho xuất khẩu.

— Sản phẩm giao nộp theo chủng loại, chất lượng do Nhà nước quy định và theo ký kết trong hợp đồng, trong đó có phần cho xuất khẩu.

— Lợi nhuận thực hiện (sau khi trừ đi các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt nợ ngân hàng quá hạn, các khoản chi bất hợp lý, bất hợp lệ không được hạch toán vào giá thành như các khoản chi phí tiêu cực, lãng phí, các khoản sử dụng sản phẩm sản xuất ra không đúng chế độ quy định v.v...).

Nếu xí nghiệp vi phạm chế độ chính sách quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước kê dưới đây thì cứ mỗi vi phạm sẽ tùy theo mức độ vi phạm mà giảm trừ từ 2 đến 5% số tiền được trích cho mỗi quỹ (3 quỹ):

Nộp không đầy đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách như lợi nhuận, thu quốc doanh, khấu hao cơ bản phải nộp và các khoản phải nộp khác như chênh lệch giá v.v...

— Vi phạm các chế độ báo cáo thống kê, kế toán.

Nếu xí nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch pháp lệnh về chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện (kể cả lợi nhuận sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm) thì cứ mỗi phần trăm hoàn thành vượt kế hoạch xí nghiệp được trích thêm vào 3 quỹ 2% mức trích cơ bản của mỗi quỹ; nhưng tổng số trích thêm đó vào 3 quỹ không vượt quá 40% tổng số lợi nhuận vượt kế hoạch.

Nếu xí nghiệp tự tìm kiếm thêm vật tư để sản xuất thêm sản phẩm thì cứ mỗi phần trăm lợi nhuận thực hiện của phần sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm chiếm trong tổng số lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp, xí nghiệp được trích thêm vào 3 quỹ 2% mức trích cơ bản mỗi quỹ nhưng tổng số trích thêm đó vào 3 quỹ không vượt quá 60% tổng số lợi nhuận của phần kế hoạch sản xuất bằng vật tư tự kiếm.

Lợi nhuận thực hiện của sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh, xí nghiệp được dùng toàn bộ để trích lập 3 quỹ theo những tỷ lệ quy định nói trên.

Các xí nghiệp loại này cũng được tạm trích 70% số trích vào 3 quỹ theo kế hoạch sau khi hoàn thành việc nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước từng tháng (hoặc theo định kỳ quy định) theo kế hoạch và có ý kiến xác nhận của cơ quan tài chính địa phương.

Điều kiện về thời điểm xí nghiệp được trích đủ (100%) số lợi nhuận để lại xí nghiệp lập 3 quỹ theo những quy định nói trên là xí nghiệp phải hoàn thành (100%) số phải nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước theo quy định, trên cơ sở số liệu xét duyệt quyết toán hàng năm cho xí nghiệp.

### III. NHỮNG QUY ĐỊNH BỔ SUNG VỀ VIỆC SỬ DỤNG 3 QUỸ

Ngoài những quy định hiện hành về nội dung sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, nay bổ sung thêm những nội dung sử dụng sau đây:

— Dành 1% quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng của xí nghiệp để lập quỹ Bộ trưởng. Nếu cấp trên trực thuộc của xí nghiệp là

liên hiệp các xí nghiệp, tổng công ty không phải là những đơn vị hạch toán kinh tế tập trung thì 1% đó để lập quỹ tổng giám đốc liên hiệp các xí nghiệp, tổng giám đốc công ty. Trường hợp liên hiệp các xí nghiệp, tổng công ty là những đơn vị hạch toán kinh tế tập trung thì phải dành 1% quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng của mình để lập quỹ Bộ trưởng (Có thông tư hướng dẫn riêng về việc trích lập và sử dụng quỹ Bộ trưởng).

— Dành từ 1 đến 3% quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của các xí nghiệp để lập quỹ dự trữ tài chính tập trung ở các cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp như tổng công ty, liên hiệp các xí nghiệp, Bộ hoặc Sở chủ quản. Mức cụ thể (từ 1—3%) do các cơ quan quản lý cấp trên đó quy định căn cứ vào nhu cầu cụ thể từng ngành. Ở cấp Bộ hoặc Sở được lập quỹ dự trữ tài chính tập trung đối với những đơn vị hạch toán kinh tế độc lập trực tiếp trực thuộc có trích lập 3 quỹ (Sẽ có thông tư hướng dẫn riêng về việc trích lập và sử dụng quỹ này).

Xí nghiệp được sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất để bổ sung cho nhu cầu tăng vốn lưu động, đầu tư xây dựng cơ bản theo chiều sâu, phát triển mặt hàng mới, mở rộng sản xuất chính và sản xuất phụ... theo kế hoạch hàng năm của xí nghiệp.

— Không hạn chế mức tối đa quỹ khen thưởng, nhưng khi tổng số trích vào quỹ đó vượt quá 30% quỹ lương cơ bản bình quân thực hiện cả năm của công nhân viên xí nghiệp, thì số trích vượt tính từ trên mức 30% quỹ lương cơ bản trở đi được phân phối như sau:

Từ trên 30 đến 50% quỹ lương cơ bản thực hiện xí nghiệp phải nộp ngân sách Nhà nước 40% và 20% nộp lên cơ quan

quản lý cấp trên để lập quỹ dự trữ tài chính, số còn lại 40% bổ sung vào các quỹ xí nghiệp, vào quỹ nào, bao nhiêu do giám đốc xí nghiệp quyết định.

Từ trên 50% quỹ lương cơ bản thực hiện trở đi, xí nghiệp phải nộp ngân sách Nhà nước 60% và 10% nộp lên cơ quan quản lý cấp trên để lập quỹ dự trữ tài chính, số còn lại 30% để bổ sung vào các quỹ xí nghiệp và do giám đốc xí nghiệp quyết định.

#### IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất sản phẩm, ngay từ cuối năm trước hoặc đầu năm kế hoạch, Bộ chủ quản (và Sở chủ quản đối với các xí nghiệp địa phương) phải duyệt kế hoạch tài chính cho các đơn vị cơ sở trực thuộc, trong đó có kế hoạch phân phối lợi nhuận là số lợi nhuận phải nộp ngân sách, số trích lập 3 quỹ v.v... Các số đó phải không được thấp hơn tổng số kế hoạch thu chi ngân sách của Nhà nước đã giao cho ngành chủ quản, nếu thấp hơn thì phải phạt trừ vào các quỹ dự trữ tài chính hoặc quỹ Bộ trưởng (quỹ Tổng giám đốc) của cơ quan quản lý cấp trên. Mức phạt trừ cụ thể do Bộ Tài chính quy định trong các thông tư hướng dẫn về sử dụng quỹ Bộ trưởng và quỹ dự trữ tài chính. Kế hoạch nộp lợi nhuận của Nhà nước giao cho ngành chủ quản cũng phải được tính toán từ cơ sở và cân đối với kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của đơn vị.

2. Các đơn vị cơ sở phải đăng ký kế hoạch trích lập 3 quỹ có phân bổ ra từng quý với cơ quan ngân hàng địa phương

như đăng ký quỹ lương và được trích hàng quý như quy định ở điểm 1 mục A, phần II thông tư này.

3. Khi duyệt quyết toán chính thức hàng năm cho đơn vị cơ sở, cơ quan quản lý cấp trên với sự tham gia của cơ quan tài chính cùng cấp duyệt số chính thức về lợi nhuận để lại xí nghiệp trích lập 3 quỹ và các nhu cầu khác như quy định ở điểm 2 mục A, phần II thông tư này và xác định số lợi nhuận phải nộp ngân sách Nhà nước. Nếu xí nghiệp sử dụng quá số lợi nhuận để lại được duyệt thì phải trừ vào số trích của năm sau và ngược lại, nếu thiếu được trích thêm.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1985 và áp dụng cho các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương thuộc tất cả các ngành kinh tế. Những quy định trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Việc trích lập 3 quỹ xí nghiệp chonăm 1984 vẫn thi hành như quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng và thông tư hướng dẫn số 21-TC/CNA ngày 1-9-1982 của Bộ Tài chính.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

*Thủ trưởng*

HỒ TẾ

## BỘ LAO ĐỘNG

**THÔNG TƯ của Bộ Lao động số 1-LĐ/TT ngày 23-3-1985 hướng dẫn sắp xếp và tổ chức lại lao động trong quá trình sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và xây dựng.**

Các nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng về một số vấn đề cải tiến quản lý công

ng nghiệp quốc doanh và quản lý xây dựng cơ bản đã đề ra hàng đầu vấn đề sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và xây dựng. Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và xây dựng tất yếu kéo theo việc sắp xếp và tổ chức lại lao động trong khu vực Nhà nước nhằm cố gắng sử dụng đầy đủ và hợp lý lao động để tăng thêm khối lượng sản xuất, phấn đấu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Sau khi có ý kiến của các ngành liên quan và Tổng công đoàn Việt Nam, Bộ Lao động hướng dẫn sắp xếp và tổ chức lại lao động như sau :

### A. YÊU CẦU CỦA VIỆC SẮP XẾP VÀ TỔ CHỨC LẠI LAO ĐỘNG

1. Từng cơ sở phải căn cứ vào phương án sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và xây dựng của ngành, của địa phương, đồng thời phân tích nguồn lao động hiện có, đề ra những biện pháp để sử dụng hết số người và quỹ thời gian lao động của đơn vị

2. Sắp xếp tại chỗ là chính, bố trí vào sản xuất là chính. Phải bằng nhiều biện pháp tích cực, cố gắng đến mức cao nhất duy trì và sử dụng hợp lý lực lượng công nhân kỹ thuật lành nghề và cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi.

3. Trường hợp sắp xếp và sử dụng trong đơn vị không hết thì phải giải quyết số lao động dôi thừa để họ làm ở đơn vị khác thuộc ngành, địa phương, hoặc chuyển sang khu vực tập thể, làm kinh tế gia đình... Trước hết điều chỉnh trong từng quận, huyện, tỉnh những người có điều kiện mới điều chỉnh đi xa hơn.